

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch Cấp nước an toàn của hệ thống cấp nước sạch do Công ty cổ phần cấp nước Nghĩa Lộ quản lý trên địa bàn thị xã Nghĩa Lộ, vùng phụ cận thị xã Nghĩa Lộ và thị trấn Mù Cang Chải (giai đoạn 2024-2025)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Quyết định số 1566/QĐ-TTg ngày 09/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn giai đoạn 2016-2025;

Căn cứ Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 28/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục;

Căn cứ Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn;

Căn cứ Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 29/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái Cấp nước an toàn, chống thất thoát, thất thu nước sạch trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025;

Xét đề nghị của Công ty cổ phần cấp nước Nghĩa Lộ tại Tờ trình số 13/TTr-CNNL ngày 10/01/2024; đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 25/BC-SXD ngày 15/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch Cấp nước an toàn của hệ thống cấp nước sạch do Công ty cổ phần cấp nước Nghĩa Lộ quản lý trên địa bàn thị xã Nghĩa Lộ, vùng phụ cận thị xã Nghĩa Lộ và thị trấn Mù Cang Chải (giai đoạn 2024-2025).

Điều 2. Tổ chức thực hiện


1. Giao cho Sở Xây dựng hướng dẫn, đôn đốc, giám sát Công ty cổ phần cấp nước Nghĩa Lộ tổ chức thực hiện theo Kế hoạch được duyệt. Trường hợp có nội dung điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với điều kiện thực tế sử dụng nước thì kịp thời tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định để tổ chức thực hiện.

2. Công ty cổ phần cấp nước Nghĩa Lộ và các đơn vị liên quan căn cứ Kế hoạch được duyệt tổ chức thực hiện; kiểm tra, rà soát, gửi báo cáo tình hình triển khai Kế hoạch cấp nước an toàn (đợt xuất khi được yêu cầu) và theo định kỳ 6 tháng (trước ngày 15/6 và trước ngày 15/12) về Thường trực Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch tỉnh (Sở Xây dựng) theo quy định.

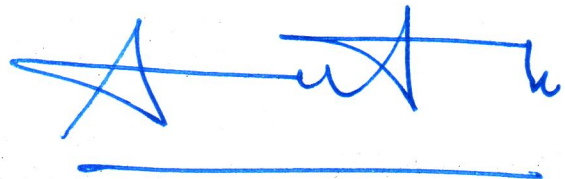
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Nghĩa Lộ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Mù Cang Chải; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Văn Chấn; các thành viên Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch tỉnh; Giám đốc Công ty cổ phần cấp nước Nghĩa Lộ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các phó CT UBND tỉnh;
- Trung tâm điều hành thông minh;
- Phó VP.UBND tỉnh (KT);
- Lưu: VT, NN, XD. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Huy Tuấn

Yên Bái, ngày 29 tháng 01 năm 2024

KẾ HOẠCH

Cấp nước an toàn của hệ thống cấp nước sạch do Công ty cổ phần cấp nước Nghĩa Lộ quản lý trên địa bàn thị xã Nghĩa Lộ, vùng phụ cận thị xã Nghĩa Lộ và thị trấn Mù Cang Chải (giai đoạn 2024-2025)

(Kèm theo Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Tên Kế hoạch: Kế hoạch Cấp nước an toàn của hệ thống cấp nước sạch do Công ty cổ phần cấp nước Nghĩa Lộ quản lý trên địa bàn thị xã Nghĩa Lộ, vùng phụ cận thị xã Nghĩa Lộ và thị trấn Mù Cang Chải (giai đoạn 2024-2025).

2. Đơn vị lập: Công ty cổ phần cấp nước Nghĩa Lộ.

3. Địa điểm thực hiện Kế hoạch: Địa bàn cấp nước sạch khu vực thị xã Nghĩa Lộ; thị trấn Mù Cang Chải, huyện Mù Cang Chải và thị trấn Nông trường Liên Sơn, huyện Văn Chấn.

4. Ban Cấp nước an toàn

a) Nguyên tắc hoạt động

Ban cấp nước an toàn của Công ty cổ phần cấp nước Nghĩa Lộ là tập hợp các nhân lực bao gồm Ban Giám đốc, các phòng ban, đội sản xuất trực thuộc Công ty được hoạt động theo nguyên tắc kiêm nhiệm.

b) Thành phần Ban Cấp nước an toàn

Gồm 09 người, trong đó: Giám đốc làm trưởng ban; Phó Giám đốc làm phó Trưởng ban; Trưởng, phó các bộ phận và một số cán bộ kỹ thuật là các thành viên trong ban.

5. Mục tiêu Kế hoạch

a) Mục tiêu chung

- Đảm bảo duy trì áp lực cấp nước, cung cấp nước ổn định, đủ lượng nước yêu cầu và bảo đảm chất lượng nước sạch theo quy chuẩn quy định.

- Giảm thiểu nguy cơ và quản lý rủi ro toàn diện từ nguồn nước qua các công đoạn thu nước, xử lý, dự trữ, phân phối đến khách hàng sử dụng nước.

- Có kế hoạch đối phó với các sự cố bất ngờ có thể xảy ra nhằm đảm bảo cung cấp dịch vụ cấp nước đạt chất lượng, liên tục và hiệu quả.

- Giảm các bệnh tật qua đường nước, phòng ngừa dịch bệnh, nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo vệ tốt hơn sức khỏe cộng đồng và góp phần phát triển kinh tế xã hội.

- Góp phần giảm tỉ lệ thất thoát, tiết kiệm tài nguyên nước và bảo vệ môi trường.

b) Mục tiêu cụ thể

- Bảo đảm duy trì áp lực cấp nước, đủ lượng nước và đảm bảo chất lượng nước sạch theo quy định tại Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT; Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Thông tư số 41/2018/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt; Quy chuẩn kỹ thuật địa phương QCDP 01:2022/YB ban hành kèm theo Quyết định số 23/2022/QĐ-UBND ngày 06/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

- Cung cấp ổn định, hạn chế tối đa việc ngừng cấp nước, không được ngừng cấp nước quá 24 giờ.

- Đến năm 2025: Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 91%, với tiêu chuẩn cấp nước đạt 100-180 lít/người/ngày đêm.

- Góp phần giảm tỷ lệ thất thoát nước sạch: Nhà máy nước Nghĩa Lộ từ 16% còn 15%; nhà máy nước thị trấn Mù Cang Chải, huyện Mù Cang Chải từ 33% còn 15%, tiết kiệm tài nguyên nước và bảo vệ môi trường.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Đánh giá hiện trạng hoạt động của hệ thống cấp nước

a) Nguồn nước, phạm vi cấp nước, vị trí thu, xử lý, dự trữ, vận chuyển và phân phối nước

- Nguồn nước: Sử dụng nguồn nước mặt của suối Nậm Đông thị xã Nghĩa Lộ cung cấp nước thô cho nhà máy nước Nghĩa Lộ; nguồn nước mặt của suối Nậm Mơ, huyện Mù Cang Chải cung cấp nước thô cho nhà máy nước thị trấn Mù Cang Chải. Tổng công suất thiết kế 6.300 m³/ngày đêm (trong đó: Công suất thiết kế của nhà máy nước Nghĩa Lộ 6.000 m³/ngày đêm; công suất thiết kế của nhà máy nước thị trấn Mù Cang Chải 300 m³/ngày đêm).

- Phạm vi cấp nước: Cấp nước ăn uống, sinh hoạt và sản xuất cho dân cư, các cơ quan, đơn vị sản xuất công nghiệp thuộc địa bàn thị xã Nghĩa Lộ; thị trấn Mù Cang Chải, huyện Mù Cang Chải và thị trấn Nông trường Liên Sơn, huyện Văn Chấn.

- Vị trí thu: Nguồn nước mặt của suối Nậm Đông, Tổ 7, phường Pú Trạng, thị xã Nghĩa Lộ; nguồn nước mặt của suối Nậm Mơ, Tổ 4, thị trấn Mù Cang Chải, huyện Mù Cang Chải.

- Xử lý nước bao gồm các công đoạn sau:

+ Hoà trộn hoá chất, kết tủa tạo bông: Nước thô từ suối được trạm bơm cấp I bơm qua thiết bị hòa trộn tĩnh, hòa trộn hóa chất và đưa lên tháp trộn, bể phản ứng, quá trình kết tủa, tạo bông cần diễn ra tại đây. Thường sử dụng hóa chất PAC (Poly Aluminium Chloride) và Polime, làm hóa chất keo tụ nước và sử dụng xút (NaOH) để điều chỉnh độ pH của nước.

+ Lắng cặn: Nước sau khi kết tủa tạo bông sẽ được lắng cặn loại bỏ phần lớn cặn, tạp chất tại bể lắng ngang (kiểu lamén); nước thô được hòa trộn với hóa chất, keo tụ tạo bông sẽ chuyển đến ngăn lắng.

+ Lọc: Nước từ bể lắng được đưa đến bể lọc; bể lọc thường sử dụng một lớp vật liệu lọc (cát thạch anh)

+ Khử trùng: Nước sau khi qua bể lọc sẽ được khử trùng bằng Javen 10% trước khi về bể chứa nước thương phẩm.

+ Các loại hóa chất được sử dụng trong quá trình sản xuất nước: Sử dụng PAC (Poly aluminium chloride) và Polime làm hóa chất keo tụ nước; sử dụng xút (NaOH) để điều chỉnh độ pH của nước; sử dụng Clo hoặc Javen để khử trùng.

- Dự trữ: Lượng nước dự trữ trong hệ thống tại các bể chứa làm nhiệm vụ điều hòa mạng lưới, phục vụ việc xử lý nước và dự trữ chữa cháy, tổng lượng nước dự trữ là 3.600 m³ (trong đó: Bể chứa BTCT tại nhà máy nước Nghĩa Lộ 3.500 m³ và tại nhà máy nước thị trấn Mù Cang Chải bể chứa BTCT 100 m³).

- Vận chuyển và phân phối nước: Nước sạch xử lý tại nhà máy nước Nghĩa Lộ được hòa mạng và phân phối nước cho thị xã Nghĩa Lộ và một phần thị trấn Nông trường Liên Sơn, huyện Văn Chấn; nước sạch xử lý tại nhà máy nước Mù Cang Chải hòa mạng và phân phối nước cho thị trấn Mù Cang Chải. Từ nhà máy nước, nước sạch được cấp vào mạng lưới theo các ống truyền tải cấp 1, ống phân phối cấp 2 và cuối cùng là ống dịch vụ cấp 3. Tổng chiều dài hệ thống mạng lưới đường ống truyền dẫn nước sạch L = 205.201 m (trong đó: Hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước sạch Nghĩa Lộ có chiều dài L = 188.401 m; hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước sạch thị trấn Mù Cang Chải, huyện Mù Cang Chải có chiều dài L = 16.800 m).

b) Sơ đồ quy trình công nghệ hệ thống cấp nước

Trạm bơm cấp I → Bể phản ứng, lắng → bể lọc (Xử lý khử trùng bằng Javen 10%) → Bể chứa → Trạm bơm cấp II → Mạng lưới phân phối.

c) Các thông tin cơ bản về khách hàng sử dụng nước

Tổng số lượng khách hàng sử dụng nước sạch trên địa bàn tính đến thời điểm ngày 31/12/2023 là 11.624 khách hàng, trong đó:

- Khu vực thị xã Nghĩa Lộ: Số lượng khách hàng sử dụng nước sạch là 10.451 khách hàng (gồm: Khối nhân dân: 10.248 khách hàng; Khối sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: 186 khách hàng; Khối hành chính sự nghiệp: 17 khách hàng).

- Khu vực thị trấn Mù Cang Chải, huyện Mù Cang Chải: Số lượng khách hàng sử dụng nước sạch là 501 khách hàng (gồm: Khối nhân dân: 468 khách hàng; Hành chính sự nghiệp: 33 khách hàng).

- Khu vực thị trấn Nông trường Liên Sơn, huyện Văn Chấn: Số lượng khách hàng sử dụng nước sạch là 672 khách hàng (gồm: Khối nhân dân: 666 khách hàng; Hành chính sự nghiệp: 6 khách hàng).

2. Xác định, phân tích và đánh giá mức độ các nguy cơ, rủi ro đối với hệ thống cấp nước

a) Các nguy cơ, rủi ro từ nguồn nước, lưu vực

- Chất lượng nước nguồn không ổn định do ảnh hưởng thời tiết, suy thoái nguồn nước; ô nhiễm do nước từ nước thải sinh hoạt của con người chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt xả xuống thượng lưu nguồn nước; ô nhiễm từ hoạt động sản xuất nông nghiệp như trồng trọt, chăn nuôi (hóa chất bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu, chất thải chăn nuôi); ô nhiễm từ hoạt động sản xuất công nghiệp, dầu mỡ, rác thải, nước thải. Mực nước thấp vào mùa khô và do hoạt động tích nước của các nhà máy thủy điện ở đầu nguồn.

- Các hiện tượng tự nhiên tác động đến môi trường nước như mưa, lũ lụt, xác cây cối sinh vật, vi khuẩn phân hủy thành chất hữu cơ ngấm vào nguồn nước, do mưa lũ độ đục cao, vượt quá khả năng xử lý, mưa lũ gây xói lở, bồi đắp dòng chảy, làm hư hỏng công trình thu nước.

- Ô nhiễm do khai thác khoáng sản gần công trình thu nước.

b) Các nguy cơ rủi ro về mặt hóa học, lý học và sinh học theo qui trình công nghệ hệ thống cấp nước

- Máy bơm Javen, máy khuấy, máy bơm định lượng bị sự cố, mùa mưa bão bị sét đánh cháy hệ thống bảo vệ trạm cấp nước, cháy động cơ do vận hành điện áp thấp, quá tải, do vận hành liên tục.

- Sử dụng hóa chất không đúng định mức; công tác rửa bể chưa đúng theo qui trình; không tự kiểm soát được chất lượng nước đầu vào và ra do thiết bị kiểm tra hỏng đột suất.

- Bể chứa xuống cấp, hư hỏng, ô nhiễm, rò rỉ nước. Chim, chuột, côn trùng xâm nhập bể chứa do nắp đậy hở, lưới chắn hỏng.

c) Các nguy cơ, rủi ro đối với việc bảo đảm cấp nước liên tục, lưu lượng và áp lực trong mạng lưới cấp nước đến khách hàng sử dụng nước

- Mất điện lưới, điện áp thấp trong những ngày nắng nóng; mùa mưa bão bị sét đánh cháy hệ thống bảo vệ trạm cấp nước; đường dây, trạm biến áp, động cơ, hệ thống điện, hệ thống điều khiển hỏng đột suất. Công suất nhà máy không

đủ để đáp ứng nhu cầu sử dụng; không tự kiểm soát được chất lượng đầu ra do thiết bị kiểm tra hỏng đột suất.

- Chất lượng nước trong đường ống không đạt do đường ống cũ, xuống cấp, sau thi công tuyến ống mới hoặc sau khi sửa chữa chưa xả rửa đường ống, do xả rửa đường ống không thường xuyên.

- Các đơn vị thi công làm hỏng mạng lưới cấp nước (thường xuyên xảy ra); khách hàng tự ý mở van lấy nước; bục vỡ đường ống, hỏng máy trạm bơm. Không phát hiện hoặc xử lý không kịp thời sự cố bục vỡ đường ống; cấp nước không hợp lý khu vực thừa, thiếu; đường ống của nhà máy, khách hàng cũ bị rỉ sét, lão hóa gây rò rỉ nước.

- Khách hàng không chấp hành đúng các quy định theo hợp đồng; tác động làm sai lệch đồng hồ, đầu nối lấy nước không qua đồng hồ; mất cấp đồng hồ, đồng hồ bị kẹt, mờ hộp số, rò rỉ, sai số lớn, quá thời gian kiểm định.

d) Xác định thứ tự ưu tiên về các nguy cơ, rủi ro để đề xuất các biện pháp kiểm soát và phòng ngừa

- Máy khuấy, máy bơm định lượng, máy châm Javen trực trực, hư hỏng gây ra thừa hoặc thiếu hóa chất xử lý nước; các đơn vị thi công làm hỏng mạng lưới cấp nước; chất lượng thi công, vật tư không đảm bảo dẫn đến đường ống nhanh hư hỏng, thất thoát nước.

- Ô nhiễm do hoạt động sản xuất công nghiệp; Cấp nước không hợp lý khu vực thừa, thiếu (Áp lực, lưu lượng).

- Chất lượng nước nguồn không ổn định do ảnh hưởng thời tiết, suy thoái nguồn nước, do mưa lũ độ đục cao, vượt quá khả năng xử lý; ô nhiễm từ hoạt động sản xuất nông nghiệp như trồng trọt, chăn nuôi (Hóa chất BVTV, thuốc trừ sâu, chất thải chăn nuôi,...); các hiện tượng tự nhiên tác động đến nước nguồn như mưa, lũ lụt, xác cây cối sinh vật phân hủy thành chất hữu cơ ngấm vào nguồn nước.

- Sử dụng hóa chất không đúng định mức; không tự kiểm soát được chất lượng nước đầu vào và ra do thiết bị kiểm tra hỏng đột suất.

- Mất điện lưới, chưa thường xuyên kiểm tra đường ống, đồng hồ, không hoặc chậm phát hiện hư hỏng; không khắc phục kịp thời sự cố hư hỏng đường ống; chưa bảo dưỡng kịp thời máy móc thiết bị; đường ống của công ty, của khách hàng bị rỉ sét, lão hóa gây rò rỉ, nhiễm bẩn; gian lận sử dụng nước: Tác động làm sai lệch đồng hồ, đầu nối lấy nước không qua đồng hồ.

- Mùa mưa bão bị sét đánh hỏng hệ thống bảo vệ trạm cấp nước; bể chứa xuống cấp, hư hỏng, rò rỉ nước; công suất nhà máy không đủ để đáp ứng nhu cầu sử dụng; mất cấp đồng hồ.

- Ô nhiễm do nước từ nước thải sinh hoạt của con người chảy xả vào nguồn nước ở thượng lưu; khai thác khoáng sản gần hồ thu nước; mực nước thấp, cạn kiệt về mùa khô và do hoạt động của các nhà máy thủy điện đầu nguồn nước.

- Sự cố động cơ điện, đường dây, trạm biến áp, động cơ, hệ thống điện, hệ thống điều khiển hồng đột suất; hệ thống bể khu xử lý quá tải do khai thác vượt công suất; điện áp thấp trong những ngày nắng nóng; mùa mưa bão bị sét đánh hỏng hệ thống bảo vệ trạm cấp nước.

- Đường ống, van bị hỏng, sự cố, rò rỉ nước; Chất lượng nước trong đường ống không bảo đảm: độ đục, clo dư,...do đường ống cũ, xuống cấp; do sau thi công tuyến ống mới hoặc sau khi sửa chữa chưa xả rửa đường ống; Mất nước do các nguyên nhân khách quan: Mất điện, hư hỏng đường ống, trạm bơm; Không tự kiểm soát được chất lượng, áp lực và lưu lượng trên đường ống do thiết bị kiểm tra hồng đột suất; xả rửa đường ống không thường xuyên; khi vận hành quên đóng, mở van hoặc van không kín khít; đồng hồ bị kẹt, mờ hộp số, rò rỉ, sai số lớn; quá thời gian kiểm định; không làm chủ được máy móc thiết bị, trình độ công nhân còn yếu kém, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ; khách hàng không thực hiện đúng các quy định theo hợp đồng cấp nước.

3. Xác định các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa, khắc phục rủi ro và lập kế hoạch triển khai áp dụng

a) Rà soát các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và khắc phục đang áp dụng

- Ô nhiễm thuốc bảo vệ thực vật (vào các thời vụ sản xuất): Tuyên truyền nhân dân hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật; cấm biển cảnh báo không sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.

- Chưa có biện pháp bảo vệ hành lang an toàn cho nguồn nước và tuyến ống (thường xuyên): Tuần tra thường xuyên các hành lang có nguy cơ bị xâm phạm; lập một số biển báo cấm cho khu vực lấy nước.

- Máy châm javen bị sự cố (1 lần/2 quý): Phân xưởng nước sạch thống kê các tình huống sự cố, tăng cường bảo dưỡng thường xuyên, mua một số vật tư dự phòng.

- Mất điện lưới (1-2 lần/tháng): Phối hợp chặt chẽ với ngành điện; vận hành máy phát điện dự phòng, sẵn sàng vận hành máy khi có điện trở lại.

- Do các đơn vị thi công làm hỏng (thường xuyên): Tăng cường công tác kiểm tra, phối hợp với Chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công xử lý ngay các sự cố.

- Đường ống cũ lâu ngày, chôn sâu dưới lòng đất bị rỉ sét, lão hóa gây rò rỉ nước (thường xuyên): Thống kê số lần sự cố trên các tuyến ống; kiểm tra cụ thể các tuyến ống cũ; có kế hoạch thay thế tuyến ống mới.

b) Đề xuất các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và khắc phục bổ sung

- Ô nhiễm thuốc bảo vệ thực vật (vào các thời vụ sản xuất): Báo cáo Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Chưa có biện pháp bảo vệ hành lang an toàn cho nguồn nước và tuyến ống (thường xuyên): Chôn cọc mốc cho các tuyến ống theo thiết kế, thông báo cho các bộ phận liên quan để giải quyết dứt điểm.

- Máy bơm javen bị sự cố (1 lần/2 quý): Thay thế bằng thiết bị dự phòng; sửa chữa khắc phục ngay thiết bị hư hỏng.

- Mất điện lưới (1-2 lần/tháng): Vận hành máy phát điện dự phòng; điều tiết nước cho phù hợp để bảo đảm cấp nước.

- Đường ống cũ lâu ngày, chôn sâu dưới lòng đất bị rỉ sét, lão hóa gây rò rỉ nước (thường xuyên): Thay thế ngay tuyến ống cũ của công ty và khách hàng.

c) Lập kế hoạch triển khai áp dụng các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và khắc phục rủi ro

Kế hoạch triển khai áp dụng các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và khắc phục rủi ro được thực hiện thường xuyên, theo chu kỳ (tháng, quý, năm) theo mức độ ưu tiên.

4. Lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và khắc phục các nguy cơ, rủi ro

Kế hoạch kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa được thực hiện thường xuyên, theo chu kỳ hàng tháng. Phân công trách nhiệm, nhiệm vụ rõ ràng tới từng cá nhân và bộ phận liên quan.

5. Lập kế hoạch, quy trình ứng phó với biến đổi xảy ra trong điều kiện vận hành có sự cố, mất kiểm soát và tình huống khẩn cấp

a) Phát hiện và thông báo sự cố

- Trách nhiệm: Đội vận hành khai thác nước; Đội Quản lý mạng lưới cấp nước, tổ chống thất thoát nước; Bộ phận văn phòng; cán bộ công nhân viên trong Công ty.

- Nội dung công việc: Tiếp nhận thông tin; kiểm tra sự cố; thông báo sự cố đến Ban lãnh đạo công ty.

b) Bảo đảm thông tin, liên lạc kịp thời, liên tục, đúng đối tượng

- Trách nhiệm: Đội Quản lý mạng lưới cấp nước, tổ chống thất thoát nước; Đội vận hành khai thác nước; Ban Cấp nước an toàn Công ty.

- Nội dung công việc: Bảo đảm thông tin liên tục, kịp thời báo cáo các sự cố tới các cơ quan chức năng khi có sự cố xảy ra.

c) Xác định nguyên nhân sự cố

- Trách nhiệm: Đội Quản lý mạng lưới cấp nước, tổ chống thất thoát nước; Đội vận hành khai thác nước; Ban Cấp nước an toàn Công ty.

- Nội dung công việc: Kiểm tra chi tiết sự cố; phân tích, đánh giá nguyên nhân sự cố; lập biên bản sự cố.

d) Xác định các hành động cần thiết để ứng phó với sự cố

- Trách nhiệm: Đội Quản lý mạng lưới cấp nước, tổ chống thất thoát nước; Đội vận hành khai thác nước; Ban Cấp nước an toàn Công ty.

- Nội dung công việc: Đề xuất các phương án giải quyết sự cố; lập biên bản xử lý, khắc phục sự cố.

đ) Thực hiện các hành động ứng phó

- Trách nhiệm: Đội Quản lý mạng lưới cấp nước, tổ chống thất thoát nước; Đội vận hành khai thác nước.

- Nội dung công việc: Cô lập khu vực bị sự cố khỏi hệ thống để không gây ảnh hưởng đến các khu vực khác; dự trù nhân lực, thiết bị vật tư xử lý sự cố; chuẩn bị các phương án dự phòng.

e) Xử lý sự cố, khôi phục và cung cấp ổn định cho khách hàng sử dụng nước về chất lượng nước, áp lực, lưu lượng và tính liên tục theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng và các quy định riêng của hợp đồng dịch vụ cấp nước đã ký kết

- Trách nhiệm: Đội Quản lý mạng lưới cấp nước, tổ chống thất thoát nước; Đội vận hành khai thác nước; Ban Cấp nước an toàn Công ty.

- Nội dung công việc: Xử lý khắc phục sự cố kịp thời, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; khôi phục, cung cấp nước ổn định cho khách hàng sử dụng theo tiêu chuẩn kỹ thuật.

f) Xác định hậu quả trước mắt và lâu dài

- Trách nhiệm: Đội Quản lý mạng lưới cấp nước, tổ chống thất thoát nước; Đội vận hành khai thác nước; Ban Cấp nước an toàn Công ty.

- Nội dung công việc: Kiểm tra các khu vực lân cận do tác động của sự cố gây ra; phân tích, đánh giá hậu quả.

g) Giải trình, báo cáo

- Trách nhiệm: Đội Quản lý mạng lưới cấp nước, tổ chống thất thoát nước; Đội vận hành khai thác nước; Ban Cấp nước an toàn Công ty.

- Nội dung công việc: Giải trình sự cố; lập hồ sơ sự cố; báo cáo chi tiết sự cố; lập hồ sơ khối lượng thực hiện xử lý sự cố; thanh quyết toán khối lượng thực hiện.

h) Lưu trữ thông tin, số liệu về sự cố và các biện pháp khắc phục

- Trách nhiệm: Đội Quản lý mạng lưới cấp nước, tổ chống thất thoát nước; Đội vận hành khai thác nước; Ban Cấp nước an toàn Công ty.

- Nội dung công việc: Lưu trữ hồ sơ sự cố; kiểm tra hồ sơ, các biện pháp khắc phục.

i) Đánh giá tổng thể sự cố và đề xuất các giải pháp phòng ngừa và xử lý các sự cố có thể xảy ra trong tương lai

- Trách nhiệm: Đội Quản lý mạng lưới cấp nước, tổ chống thất thoát nước; Đội vận hành khai thác nước; Ban Cấp nước an toàn Công ty.

- Nội dung công việc: Phân tích, đánh giá nguyên nhân; phân tích, đánh giá các biện pháp khắc phục sự cố; phân tích, đánh giá hậu quả; đưa ra các biện pháp ngăn ngừa sự cố không lặp lại; báo cáo các cơ quan chức năng (nếu có).

6. Xây dựng các tiêu chí, các chỉ số giám sát và giới hạn kiểm soát để đánh giá việc triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn

a) Chất lượng nước sử dụng cho mục đích ăn uống, sinh hoạt và các mục đích khác

Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ thường xuyên các chỉ tiêu chất lượng nước theo quy định tại Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT; Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Thông tư số 41/2018/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt; Quy chuẩn kỹ thuật địa phương QCĐP 01:2022/YB ban hành kèm theo Quyết định số 23/2022/QĐ-UBND ngày 06/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

b) Các tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng dịch vụ cấp nước theo quy định

- Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

- Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ.

- Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT; Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Thông tư số 41/2018/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

- Quyết định số 23/2022/QĐ-UBND ngày 06/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Yên Bái (Ký hiệu QCĐP 01:2022/YB).

c) Các yêu cầu về quản lý chất lượng

- Hoạch định việc tạo sản phẩm: Công ty lập kế hoạch và triển khai các quá trình cần thiết để cung cấp sản phẩm và dịch vụ, đảm bảo tính nhất quán với các yêu cầu của các quá trình của hệ thống quản lý chất lượng.

- Quá trình liên quan đến khách hàng: Đáp ứng yêu cầu của khách hàng là công việc quan trọng nhất, do đó Công ty thiết lập và duy trì một quy trình bằng văn bản để thực hiện và xem xét việc hợp đồng đảm bảo sản phẩm và dịch vụ đáp ứng các yêu cầu của khách hàng.

Phòng Kế hoạch kỹ thuật chịu trách nhiệm phối hợp với các đơn vị trong việc trao đổi thông tin với khách hàng, kể cả việc sửa đổi hợp đồng. Bất kỳ sự sửa đổi nào trong hợp đồng phải được xác nhận, xem xét và thông báo đến các đơn vị có liên quan.

- Mua hàng: Giao cho Phòng Kế hoạch kỹ thuật chịu trách nhiệm thiết lập và duy trì một quy trình bằng văn bản cho việc mua hàng để đảm bảo rằng tất cả hàng hoá mua vào đều phù hợp với yêu cầu mua hàng đã quy định và các nhà cung cấp được đánh giá, chọn lựa và quản lý một cách phù hợp. Bộ phận kiểm tra có trách nhiệm phối hợp với cán bộ mua vật tư thực hiện việc kiểm tra chấp nhận đối với hàng hoá mua vào phù hợp với nhu cầu mua hàng (đặc tính kỹ thuật).

- Sản xuất và cung cấp dịch vụ: Phòng Kế hoạch kỹ thuật có trách nhiệm đảm bảo việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ được lập kế hoạch và kiểm soát việc thực hiện.

- Đo lường, phân tích và cải tiến: Công ty luôn mong muốn cải tiến để đáp ứng sự mong đợi của khách hàng, các hoạt động dưới đây chứng minh điều này:

+ Thực hiện việc kiểm tra để xác nhận sự phù hợp của sản phẩm.

+ Sử dụng kỹ thuật thống kê trong phân tích số liệu về nhà cung cấp, chất lượng trong sản xuất, cung cấp dịch vụ, phản nản của khách hàng để chỉ ra sự cố và qua đó nghiên cứu để đưa ra hành động khắc phục, phòng ngừa.

+ Thực hiện đánh giá chất lượng nội bộ thường xuyên để xem xét hệ thống quản lý chất lượng của Công ty, chỉ ra những điểm không phù hợp và từ đó đưa ra hành động khắc phục phòng ngừa.

+ Thực hiện xem xét của Lãnh đạo để đảm bảo hệ thống quản lý chất lượng của Công ty hoạt động có hiệu quả.

7. Quản lý cơ sở dữ liệu có liên quan về cấp nước an toàn

a) Lập danh mục các văn bản, tài liệu và các thông tin liên quan đến công tác cấp nước an toàn

- Quyết định số 1566/QĐ-TTg ngày 09/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn giai đoạn 2016-2025.

- Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 28/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục.

- Thông tư số 08/2012/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn.

- Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 29/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái Cấp nước an toàn, chống thất thoát, thất thu nước sạch trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025.

b) Xây dựng hệ thống và quy trình kiểm soát tài liệu: Gồm 07 bước, cụ thể:

Bước 1: Yêu cầu soạn thảo sửa đổi.

Bước 2: Xem xét yêu cầu.

Bước 3: Người được phân công thực hiện lập mới hoặc sửa đổi thông tin.

Bước 4: Trưởng bộ phận xem xét.

Bước 5: Ban Giám đốc - Phê duyệt.

Bước 6: Ban hành và cập nhật vào danh mục kiểm soát tài liệu nội bộ.

Bước 7: Phân phối tài liệu đến các cá nhân, tổ chức liên quan và thực hiện quy trình lưu hồ sơ.

c) Lập hệ thống quản lý hồ sơ và hỗ trợ lưu giữ hồ sơ

Lưu giữ hồ sơ, quản lý tài liệu để tiến hành đánh giá độc lập hoặc tra cứu, cung cấp thông tin kịp thời khi có sự cố xảy ra đối với hệ thống cấp nước: Ban Cấp nước an toàn Công ty lưu trữ tổng hợp hồ sơ, tài liệu theo quy trình nội bộ.

d) Lập kế hoạch định kỳ rà soát các văn bản, tài liệu và chỉnh sửa khi cần thiết Định kỳ hàng quý, 6 tháng, 01 năm hoặc bất thường thực hiện công tác rà soát các văn bản tài liệu liên quan về hệ thống cấp nước; kế hoạch cấp nước an toàn cho các hạng mục công trình thuộc hệ thống mạng lưới cấp nước, tiêu thụ nước và chỉnh sửa khi cần thiết.

đ) Lưu giữ hồ sơ, quản lý tài liệu để tiến hành đánh giá độc lập hoặc tra cứu, cung cấp thông tin kịp thời khi có sự cố xảy ra đối với hệ thống cấp nước: Ban Cấp nước an toàn Công ty lưu trữ tổng hợp hồ sơ, tài liệu theo quy trình nội bộ.

e) Xây dựng cơ chế tiếp nhận và xử lý kịp thời các khiếu nại của khách hàng hoặc cộng đồng

Thực hiện tiếp nhận phân loại ý kiến → Phiếu yêu cầu xử lý khiếu nại → Xem xét phân tích nguyên nhân → Đề ra biện pháp và trách nhiệm xử lý → Duyệt → Chuyển các bộ phận liên quan → Ý kiến của khách hàng sau xử lý → Thực hiện theo dõi và đánh giá kết quả xử lý → Lưu trữ hồ sơ.

8. Lập các chương trình hỗ trợ và kế hoạch triển khai

a) Chương trình bảo dưỡng phòng ngừa, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống cấp nước, tăng tuổi thọ phục vụ của các công trình và thiết bị, ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro, sự cố

- Bảo dưỡng, bảo trì định kỳ, thường xuyên máy bơm, thiết bị nhà máy nước, kế hoạch thực hiện: Định kỳ hàng quý.

- Nâng công suất nhà máy nước Nghĩa Lộ từ 6.000 m³/ngày đêm lên 10.000 m³/ngày đêm.

- Xây dựng 3 trạm bơm online tại phường Cầu Thia và xã Nghĩa Lộ công suất mỗi trạm là: 120 m³/giờ.

- Xây dựng mới tuyến ống cấp I bằng ống nhựa HDPE D300, từ Tổ 8, phường Pú Trạng (đốc Trại giống) đến Tổ 3 cầu Thia (Hồ điều hòa).

- Nâng cấp, thay thế tuyến ống cấp I ống nhựa D150 bằng ống nhựa HDPE D300 từ đốc Đỏ đến Tổ 3, phường Cầu Thia (Hồ điều hòa), với chiều dài L = 900 m.

- Nâng cấp, thay thế các tuyến ống cấp 2, cấp 3 thép tráng kẽm, bằng ống nhựa HDPE, với tổng chiều dài L = 8.383 m (ống cấp 2, với chiều dài L = 6.168 m; ống cấp 3, với chiều dài L = 2.215m).

- Lắp đặt thiết bị quản lý lưu lượng và áp lực bằng Sensor trên mạng lưới đường ống, số lượng: 5 điểm.

- Lắp đặt thiết bị đo đếm chất lượng nước nguồn, nước sạch thương phẩm bằng Sensor tại nhà máy nước Nghĩa Lộ, gồm các chỉ tiêu chính: Độ đục, pH, Clo dư; số lượng: 2 điểm.

- Thay thế đồng hồ nước đến hạn kiểm định, số lượng: 900 cái

- Mua sắm thêm thiết bị dò tìm rò rỉ.

b) Chương trình đánh giá độc lập để kiểm tra việc thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn.

- Kiểm tra chất lượng nước thô: Áp dụng theo QCVN 08:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt ban hành kèm theo Thông tư số 01/2023/TT-BTNMT ngày 13/3/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; kế hoạch thực hiện: 06 tháng/lần.

- Kiểm tra nước sạch sau xử lý: Kiểm tra các chỉ tiêu chất lượng nước sạch theo QCVN 01-1:2018/BYT; QCDP 01:2022/YB, gồm:

- + Thử nghiệm định kỳ: Tần suất thử nghiệm định kỳ đối với 8 thông số chất lượng nước sạch nhóm A - QCDP không ít hơn 01 lần/1 tháng. Tần suất thử nghiệm định kỳ đối với 24 thông số chất lượng nước sạch nhóm B - QCDP không ít hơn 01 lần/6 tháng.

- + Đơn vị tiến hành thử nghiệm toàn bộ 99 thông số chất lượng nước sạch trong danh mục các thông số chất lượng nước sạch quy định tại Điều 4 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2018/BYT) ban hành theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT trong các trường hợp sau:

- (1) Trước khi đi vào vận hành lần đầu.

- (2) Sau khi nâng cấp, sửa chữa lớn có tác động đến hệ thống sản xuất.

- (3) Khi có sự cố về môi trường có nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng nước sạch.

(4) Khi xuất hiện rủi ro trong quá trình sản xuất có nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng nước sạch hoặc khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

(5) Định kỳ 03 năm 1 lần thử nghiệm toàn bộ 99 thông số trong QCVN 01-1:2018/BYT kể từ lần thử nghiệm toàn bộ các thông số gần nhất.

c) Chương trình đào tạo, tập huấn, nâng cao nhận thức, nâng cao trình độ tay nghề của đội ngũ cán bộ và công nhân về cấp nước an toàn

Hàng năm có kế hoạch đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân vận hành, công nhân kỹ thuật của tất cả nhà máy, xí nghiệp và các bộ phận chăm sóc khách hàng, ngoài ra tham gia các lớp tập huấn, hội thảo về lĩnh vực cấp nước.

d) Chương trình tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo vệ nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm và an toàn

- Tuyên truyền ngày môi trường Thế giới; Tuyên truyền bảo vệ nguồn nước, sử dụng tiết kiệm như treo Panô – Áp phích, điều hành, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Tổ chức tuyên truyền, giáo dục tới các trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và tổ chức tham quan quy trình sản xuất nước tại phân xưởng nước sạch.

9. Xây dựng kế hoạch đánh giá kết quả thực hiện cấp nước an toàn; đề xuất, kiến nghị điều chỉnh kế hoạch cấp nước an toàn cho giai đoạn tiếp theo

Để đảm bảo cấp nước an toàn trong toàn hệ thống, các bộ phận trong quá trình thực hiện công việc được giao gửi đề xuất, kiến nghị về Ban Cấp nước an toàn Công ty nhằm nâng cao hiệu quả của kế hoạch:

- Nếu có sự cố lớn phải báo cáo ngay với Ban Cấp nước an toàn Công ty để xin ý kiến chỉ đạo.

- Hàng tháng các bộ phận được phân công phụ trách tổng hợp gửi về phòng Kỹ thuật của Công ty.

- Hàng quý các bộ phận được phân công phụ trách gửi báo cáo về Ban Cấp nước an toàn Công ty

- Đánh giá tổng kết các nhiệm vụ được giao và thực hiện.

- Ban Cấp nước an toàn Công ty trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc tiến hành đề xuất, đề nghị điều chỉnh kế hoạch cấp nước an toàn gửi Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch tỉnh (Sở Xây dựng tỉnh Yên Bái).

10. Đầu tư phát triển nguồn cung cấp nước sạch và mở rộng mạng lưới cấp nước khu vực đô thị

(1) Hệ thống cấp nước sạch khu vực thị xã Nghĩa Lộ và vùng phụ cận

- Đầu tư nâng cấp Nhà máy nước Nghĩa Lộ từ công suất 6.000 m³/ngày đêm lên công suất 10.000 m³/ngày đêm; Nhà máy do Công ty cổ phần Cấp nước Nghĩa Lộ quản lý, vận hành, khai thác.

- Đầu nối các tuyến đường ống cấp nước D150mm, cung cấp nước tới các hộ dân trong khu vực các xã, phường hiện hữu và 6 xã dự kiến trở thành phường.

- Xây dựng hoàn chỉnh tuyến ống cấp I bằng ống nhựa HDPE DN355 để phân vùng, tách mạng cấp nước nhằm bảo đảm áp lực và lưu lượng cấp nước.

- Đầu tư mở rộng hệ thống đường ống cung cấp nước sạch cho các khu vực chưa được cung cấp nước sạch tập trung cho khoảng 80 hộ gia đình tại bản Noọng, phường Pú Trạng; khoảng 500 hộ gia đình khu vực Ao Luông, xã Sơn A.

(2) Hệ thống cấp nước sạch khu vực thị trấn Mù Cang Chải, huyện Mù Cang Chải

- Đầu tư nâng cấp Nhà máy sản xuất nước sạch từ công suất 300 m³/ngày đêm lên công suất 700 m³/ngày đêm; Nhà máy do Công ty cổ phần Cấp nước Nghĩa Lộ quản lý, vận hành, khai thác.

- Đầu tư mở rộng mạng lưới đường ống cấp nước sạch cho các hộ dân thuộc các khu dân cư mới, khu vực phụ cận thị trấn Mù Cang Chải chưa có hệ thống đường ống cấp nước sạch.

11. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Kế hoạch Cấp nước an toàn do đơn vị cấp nước lập (vốn của doanh nghiệp và vốn vay hợp pháp khác để thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn theo từng giai đoạn) và được tính vào chi phí sản xuất chung trong giá tiêu thụ nước sạch được thẩm định và phê duyệt theo quy định./.